

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 744/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1986; HKTT: Ấp S, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp L, xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; HKTT: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 18/10/2018, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Tuyết S) trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà S thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà S và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015. Sau khi ly hôn bà S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/01/2019 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 04/01/2019 bị đơn (ông Nguyễn Văn Q) trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Q thống nhất ý kiến với bà S về quá trình chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông Q đi làm ăn bên ngoài có thường xuyên uống rượu, khi về thì vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay, giữa ông Q và bà S không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Q thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Vì vậy trước yêu cầu ly hôn của bà S thì ông Q đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà S và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015. Khi ly hôn ông Q đồng ý giao con chung cho bà S nuôi dưỡng, ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của các đương sự về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông Q đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng thì ông Q thường xuyên uống rượu, bà S không đồng ý và vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Theo như bà Đinh Thị P là mẹ ruột của ông Q thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Q và bà S đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Ông Q cũng đã về sống với bà P được khoảng 02 tháng.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được

tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:**

Đơn xin ly hôn ngày 06/11/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; 01 bản gốc giấy đăng ký kết hôn; bản tự khai ngày 07/01/2019; bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Minh T; biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn Q; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

Lời khai của các bên tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai thống nhất với nhau về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, con chung, thỏa thuận thống nhất người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, thống nhất việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà S có mặt, ông Q có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Q đã có lời trình bày đối với nội dung vụ án. Việc vắng mặt của ông Q là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Sương khởi kiện ông Q về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015 và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Q có nơi cư trú tại ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà S và ông Q chung sống với nhau từ năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/8/2015 tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Giữa bà S và ông Q không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người

sống một nơi, nhưng từ tháng 10 năm 2018 đến nay ông Q đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà S và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận

- *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015 và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã thể hiện ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà S, đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ý kiến của ông Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 81, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà S và ông Q không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Tuyết S đối với ông Nguyễn Văn Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Q.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Tuyết S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015.

Ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/6/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 02/2019.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn thì ông Q phải còn chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

1. Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012727 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 23/01/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan